SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code
01571.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC TRÀ NÓC
2. Địa chỉ/ *Address* : 12A KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sampple* : **NƯỚC SINH HOẠT (tại nhà máy)**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 11/11/2025 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 20/11/2025

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/*Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,21 (21,0°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,28	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,5	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	mg/L	0,09	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	0,96	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code
01572.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC TRÀ NÓC
2. Địa chỉ/ *Address* : 12A KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sampple* : **NƯỚC SINH HOẠT (KCN Trà Nóc, ngân hàng BIDV)**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 11/11/2025 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 20/11/2025

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/*Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,22 (21,3°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,32	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	mg/L	0,07	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	0,96	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code
01573.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC TRÀ NÓC
2. Địa chỉ/ *Address* : 12A KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sampple* : **NƯỚC SINH HOẠT (38 Nguyễn Chí Thanh, Thới An Đông)**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 11/11/2025 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 20/11/2025

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/*Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,18 (20,4°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,24	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	mg/L	0,07	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	0,96	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code
01574.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC TRÀ NÓC
2. Địa chỉ/ *Address* : 12A KCN Trà Nóc 2, phường Phước Thới, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sampple* : **NƯỚC SINH HOẠT (37 Trương Văn Diễn, phường Phước Thới)**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 11/11/2025 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 20/11/2025

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/*Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,18 (21,2°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,27	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	mg/L	0,08	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	1,12	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code
01575.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC Ô MÔN
2. Địa chỉ/ *Address* : Kim Đồng, phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sampple* : **NƯỚC SINH HOẠT (tại nhà máy)**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 11/11/2025 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 20/11/2025

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/*Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,29 (21,7°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,23	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,5	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	mg/L	0,07	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	0,96	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code
01576.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC Ô MÔN
2. Địa chỉ/ *Address* : Kim Đồng, phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sampple* : **NƯỚC SINH HOẠT (56 đường 3/2, phường Ô Môn)**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 11/11/2025 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 20/11/2025

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/*Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,20 (22,9°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,24	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	mg/L	0,07	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	1,28	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
☎ 02923 822351; ✉ *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

ilac-MRA AOSC VLAT 1.0379 ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code
01577.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC Ô MÔN
2. Địa chỉ/ *Address* : Kim Đồng, phường Ô Môn, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sampple* : **NƯỚC SINH HOẠT (163 đường 3/2, phường Ô Môn)**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 11/11/2025 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 20/11/2025

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/*Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,28 (20,4°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,21	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	mg/L	0,07	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	1,28	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code
01578.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC THỚI LAI
2. Địa chỉ/ *Address* : Ấp Thới Thuận B, xã Thới Lai, thanh phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sampple* : **NƯỚC SINH HOẠT (tại trạm)**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 11/11/2025 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 20/11/2025

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/*Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,18 (22,0°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,22	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,5	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH_3 và $NH4^+$ tính theo N)	mg/L	0,14	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	1,60	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code
01579.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC THỚI LAI
2. Địa chỉ/ *Address* : Ấp Thới Thuận B, xã Thới Lai, thanh phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sampple* : **NƯỚC SINH HOẠT (ấp Thới Thuận B, xã Thới Lai)**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 11/11/2025 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 20/11/2025

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/*Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,23 (21,3°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,27	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	mg/L	0,09	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	1,44	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code
01580.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : TRẠM CẤP NƯỚC THỚI LAI
2. Địa chỉ/ *Address* : Ấp Thới Thuận B, xã Thới Lai, thanh phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sampple* : **NƯỚC SINH HOẠT (9 ấp Thới Thuận B, xã Thới lai)**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 11/11/2025 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 20/11/2025

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/*Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,15 (21,6°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,18	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH_3 và $NH4^+$ tính theo N)	mg/L	0,09	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	0,96	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

ThS. Nguyễn Thị Thanh My

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Hà Tấn Vinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code
01561.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC CỜ ĐỎ
2. Địa chỉ/ *Address* : Ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Phú, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sampple* : **NƯỚC SINH HOẠT (tại nhà máy)**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 11/11/2025 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 20/11/2025

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/*Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,27 (20,0°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,24	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,5	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N)	mg/L	0,13	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	1,28	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; *qlcl.ttksbttpct@gmail.com*

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code
01562.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC CỜ ĐỎ
2. Địa chỉ/ *Address* : Ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Phú, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sampple* : **NƯỚC SINH HOẠT (xã Thạnh Phú)**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 11/11/2025 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 20/11/2025

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/*Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,22 (20,1°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,21	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH_3 và $NH4^+$ tính theo N)	mg/L	0,10	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	1,28	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT
CAN THO CITY - CENTER FOR DISEASE CONTROL AND PREVENTION

VLAT 1.0379
ISO/IEC 17025:2017

Mã số mẫu/ Sample Code
01563.25

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên khách hàng/ *Customer* : NHÀ MÁY NƯỚC CỜ ĐỎ
2. Địa chỉ/ *Address* : Ấp Thạnh Hưng, xã Thạnh Phú, thành phố Cần Thơ
3. Tên mẫu/ *Name of sampple* : **NƯỚC SINH HOẠT (UBND xã Cờ Đỏ)**
4. Số lượng/ *Quatity* : 1 chai x 1000ml và 1 chai x 250 ml
5. Mô tả mẫu/ *Sample description* : Mẫu nguyên vẹn
6. Ngày nhận mẫu/ *Receiving date* : 11/11/2025 Ngày trả kết quả/ *Issued date* : 20/11/2025

TT/ *No.*	Chỉ tiêu/ *Parameter*	Đơn vị tính/*Unit*	Kết quả/ *Result*	Phương pháp/ *Test method*	Tiêu chuẩn/ *Standard*
1	*Coliform tổng số (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
2	*E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (*)*	CFU/100mL	< 1	ISO 9308-1: 2014 (E)	< 1
3	Màu sắc	TCU	< 5,0	SMEWW 2120 C:2023	15
4	Mùi	-	Không có mùi lạ	SMEWW 2150 & 2160 : 2023	Không có mùi lạ
5	pH (*)	-	7,14 (20,1°C)	TCVN 6492:2011	Trong khoảng 6,0-8,5
6	Độ đục (*)	NTU	0,20	SMEWW 2130 B:2023	2
7	Arsenic (As) (*)	mg/L	Không phát hiện (MLOD = 0,001)	TCVN 6626:2000	0,01
8	Clo dư tự do	mg/L	0,4	Đo tại hiện trường	Trong khoảng 0,2 - 1,0
9	Amoni (NH_3 và $NH4^+$ tính theo N)	mg/L	0,09	EPA 350.2(1997)	1
10	Permanganat (*)	mg/L	1,44	TCVN 6186:1996	2

Ghi chú: "Tiêu chuẩn" được tham chiếu theo QCVN 01-1:2024/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Phụ trách phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Văn Quốc Thanh Thủy

LÃNH ĐẠO TRUNG TÂM
On behalf of CDC

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT THÀNH PHỐ CẦN THƠ

PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Trường Chinh

1. (*): *Phương pháp được công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025; (1): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ*
2. *Thông tin về mẫu được ghi theo yêu cầu khách hàng; Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử*
3. *Không được trích, sao 1 phần kết quả nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố Cần Thơ*
4. *Kết quả được biểu thị < 10 CFU/g có giá trị "Không phát hiện"*

Số 1 Ngô Đức Kế, phường Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ
02923 822351; qlcl.ttksbttpct@gmail.com

TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT TP. CẦN THƠ
400 Nguyễn Văn Cừ Nối dài, P. An Bình, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
ĐT: 0292.3822 351

39338 RK 900 223 807 VN

86

KHL CẦN THƠ
28-11-2025
901740

Nơi nhận: 3. Công ty Cổ phần Cấp nước Trà Nóc – Ô Môn Địa chỉ: KCN Trà Nóc 2, P. Phước Thới, TP. Cần Thơ Liên hệ: Chị Nguyệt – 0932862562	**KQ KIỂM NGHIỆM** 1 NMN Cờ Đỏ – 2 TCN Ô Môn – 3 TCN Thới Lai – 4 NMN Trà Nóc –